



## KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Đối tượng áp dụng: Từ khóa tuyển sinh 2015

Ngành: **Quản trị kinh doanh**  
 Chuyên ngành: **Quản trị chuỗi cung ứng**  
 Mã số ngành: **52340101**  
 Khoa: **Kinh tế**

126 tín chỉ tích lũy

| TT       | Mã học phần | Tên học phần                                     | Tính chất (bắt buộc hay tự chọn) | Số tín chỉ | Phân bổ tín chỉ |       |       |         | Đơn vị quản lý học phần | Ghi chú |
|----------|-------------|--------------------------------------------------|----------------------------------|------------|-----------------|-------|-------|---------|-------------------------|---------|
|          |             |                                                  |                                  |            | LT              | TH/TT | ĐA/MH | ĐA/KLTN |                         |         |
| Học kỳ 1 |             |                                                  |                                  |            |                 |       |       |         |                         |         |
| 1        | MCA064      | Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1 | BB                               | 2          | 2               |       |       |         | Khoa GDĐC               |         |
| 2        | MCA019      | Pháp luật đại cương                              | BB                               | 3          | 3               |       |       |         | Khoa GDĐC               |         |
| 3        | MCA011      | Kinh tế vi mô                                    | BB                               | 3          | 3               |       |       |         | Khoa Kinh tế            |         |
| 4        | MCA052      | Quản trị học                                     | BB                               | 3          | 3               |       |       |         | Khoa Kinh tế            |         |
| 5        | MCA048      | Lý thuyết tài chính - tiền tệ                    | BB                               | 3          | 3               |       |       |         | Khoa Kinh tế            |         |
|          |             | Tổng Học kỳ 1                                    |                                  | 14         | 14              | 0     | 0     | 0       |                         |         |
| Học kỳ 2 |             |                                                  |                                  |            |                 |       |       |         |                         |         |
| 1        | MCA065      | Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2 | BB                               | 3          | 3               |       |       |         | Khoa GDĐC               |         |
| 2        | MCA022      | Tiếng Anh 1                                      | BB                               | 3          | 3               |       |       |         | K.NN&VHNN               |         |
| 3        | MCA012      | Kinh tế vĩ mô                                    | BB                               | 3          | 3               |       |       |         | Khoa Kinh tế            |         |
| 4        | MCA049      | Marketing căn bản                                | BB                               | 3          | 3               |       |       |         | Khoa Kinh tế            |         |
| 5        | MCA051      | Nguyên lý kế toán                                | BB                               | 3          | 3               |       |       |         | Khoa Kinh tế            |         |
| 6        | MCA015      | Lý thuyết xác suất thống kê                      | BB                               | 3          | 3               |       |       |         | Khoa Kinh tế            |         |
|          |             | Tổng Học kỳ 2                                    |                                  | 18         | 18              | 0     | 0     | 0       |                         |         |
| Học kỳ 3 |             |                                                  |                                  |            |                 |       |       |         |                         |         |
| 1        | MCA028      | Tư tưởng Hồ Chí Minh                             | BB                               | 2          | 2               |       |       |         | Khoa GDĐC               |         |
| 2        | 1A05008     | Kinh tế lượng                                    | BB                               | 3          | 3               |       |       |         | Khoa Kinh tế            |         |
| 3        | 1A03002     | Hành vi tổ chức                                  | BB                               | 3          | 3               |       |       |         | Khoa Kinh tế            |         |
| 4        | MCA023      | Tiếng Anh 2                                      | BB                               | 3          | 3               |       |       |         | K.NN&VHNN               |         |
| 5        | 1A06029     | Thống kê ứng dụng                                | BB                               | 3          | 1               | 2     |       |         | K. Kinh tế              |         |
|          |             | (Chọn 1 trong 3 học phần)                        |                                  |            |                 |       |       |         |                         |         |

| TT              | Mã học phần | Tên học phần                                   | Tính chất<br>(bắt buộc<br>hay tự chọn) | Số tín<br>chỉ | Phân bổ tín chỉ |           |          |              | Đơn vị quản lý<br>học phần | Ghi chú |
|-----------------|-------------|------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------|-----------------|-----------|----------|--------------|----------------------------|---------|
|                 |             |                                                |                                        |               | LT              | TH/<br>TT | ĐA<br>MH | ĐA/<br>KL TN |                            |         |
| 6               | MCA001      | Văn hóa các nước ASEAN                         | TC                                     | 3             | 3               |           |          |              | Khoa GDĐC                  |         |
|                 | MCA016      | Môi trường và con người                        | TC                                     |               |                 |           |          |              | Khoa GDĐC                  |         |
|                 | 1A03016     | Quản trị hành chính văn phòng                  | TC                                     |               |                 |           |          |              | Khoa Kinh tế               |         |
|                 |             | <b>Tổng Học kỳ 3</b>                           |                                        | <b>17</b>     | <b>15</b>       | <b>2</b>  | <b>0</b> | <b>0</b>     |                            |         |
| <b>Học kỳ 4</b> |             |                                                |                                        |               |                 |           |          |              |                            |         |
| 1               | MCA024      | Tiếng Anh 3                                    | BB                                     | 3             | 3               |           |          |              | K.NN&VHNN                  |         |
| 2               | MCA002      | Đường lối cách mạng của Đảng CSVN              | BB                                     | 3             | 3               |           |          |              | Khoa Kinh tế               |         |
| 3               | 1A03118     | Tổng quan Logistics                            | BB                                     | 3             | 3               |           |          |              | Khoa Kinh tế               |         |
| 4               | 1A03119     | Marketing dịch vụ - logistic                   | BB                                     | 3             | 3               |           |          |              | Khoa Kinh tế               |         |
| 5               | 1A03018     | Quản trị chiến lược                            | BB                                     | 3             | 3               |           |          |              | Khoa Kinh tế               |         |
| 6               | 1A03022     | Quản trị marketing                             | BB                                     | 3             | 3               |           |          |              | Khoa Kinh tế               |         |
| 7               | 1A04049     | Quản trị tài chính                             | BB                                     | 3             | 3               |           |          |              | Khoa Kinh tế               |         |
|                 |             | <b>Tổng Học kỳ 4</b>                           |                                        | <b>21</b>     | <b>21</b>       | <b>0</b>  | <b>0</b> | <b>0</b>     |                            |         |
| <b>Học kỳ 5</b> |             |                                                |                                        |               |                 |           |          |              |                            |         |
| 1               | 1A06025     | Quản trị sản phẩm                              | BB                                     | 3             | 3               |           |          |              | Khoa Kinh tế               |         |
| 2               | 1A10052     | Tiếng Anh 4                                    | BB                                     | 3             | 3               |           |          |              | K.NN&VHNN                  |         |
| 3               | 1A06005     | Luật thương mại quốc tế                        | BB                                     | 3             | 3               |           |          |              | Khoa Kinh tế               |         |
| 4               | 1A03093     | Hành vi khách hàng                             | BB                                     | 3             | 3               |           |          |              | Khoa Kinh tế               |         |
| 5               | 1A03120     | Khai báo Hải quan                              | BB                                     | 3             | 3               |           |          |              | Khoa Kinh tế               |         |
| 6               | 1A03123     | Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị chuỗi cung ứng | BB                                     | 3             | 3               |           |          |              | Khoa Kinh tế               |         |
|                 |             | <b>Tổng Học kỳ 5</b>                           |                                        | <b>18</b>     | <b>18</b>       | <b>0</b>  | <b>0</b> | <b>0</b>     |                            |         |
| <b>Học kỳ 6</b> |             |                                                |                                        |               |                 |           |          |              |                            |         |
| 1               | 1A06019     | Quản trị chuỗi cung ứng                        | BB                                     | 3             | 3               |           |          |              | Khoa Kinh tế               |         |
| 2               | 1A03121     | Vận tải trong thương mại quốc tế               | BB                                     | 3             | 3               |           |          |              | Khoa Kinh tế               |         |
| 3               | 1A03149     | Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh        | BB                                     | 3             | 3               |           |          |              | Khoa Kinh tế               |         |
| 4               | 1A06022     | Quản trị kênh phân phối                        | BB                                     | 2             | 2               |           |          |              | Khoa Kinh tế               |         |
| 5               | 1A03122     | Bảo hiểm trong Ngoại thương                    | BB                                     | 3             | 3               |           |          |              | Khoa Kinh tế               |         |
|                 |             | <b>Tổng Học kỳ 6</b>                           |                                        | <b>14</b>     | <b>14</b>       | <b>0</b>  | <b>0</b> | <b>0</b>     |                            |         |

| TT       | Mã học phần | Tên học phần                                          | Tính chất (bắt buộc hay tự chọn) | Số tín chỉ | Phân bổ tín chỉ |       |       |           | Đơn vị quản lý học phần | Ghi chú |
|----------|-------------|-------------------------------------------------------|----------------------------------|------------|-----------------|-------|-------|-----------|-------------------------|---------|
|          |             |                                                       |                                  |            | LT              | TH/TT | ĐA MH | ĐA/ KL TN |                         |         |
| Học kỳ 7 |             |                                                       |                                  |            |                 |       |       |           |                         |         |
| 1        | MCA067      | Ứng dụng phần mềm SPSS trong xử lý dữ liệu định lượng | BB                               | 3          | 3               |       |       |           | Khoa Kinh tế            |         |
| 2        | 1A03126     | Thực tập tốt nghiệp đại học QTCCU                     | BB                               | 3          | 3               |       |       |           | Khoa Kinh tế            |         |
|          |             | (Chọn 1 trong 3 học phần)                             |                                  |            |                 |       |       |           |                         |         |
| 3        | 1A05001     | Đạo đức trong kinh doanh                              | TC                               | 3          | 3               |       |       |           | Khoa Kinh tế            |         |
|          | 1A03124     | Địa lý vận tải                                        | TC                               |            |                 |       |       |           | Khoa Kinh tế            |         |
|          | 1A03037     | Truyền thông trong kinh doanh                         | TC                               |            |                 |       |       |           | Khoa Kinh tế            |         |
|          |             | (Chọn 1 trong 3 học phần)                             |                                  |            |                 |       |       |           |                         |         |
| 4        | 1A03023     | Quản trị nhân sự                                      | TC                               | 3          | 3               |       |       |           | Khoa Kinh tế            |         |
|          | 1A03095     | E - Marketing                                         | TC                               |            |                 |       |       |           | Khoa Kinh tế            |         |
|          | 1A01060     | Thương mại điện tử                                    | TC                               |            |                 |       |       |           | Khoa Kinh tế            |         |
|          |             | (Chọn 1 trong 3 học phần)                             |                                  |            |                 |       |       |           |                         |         |
| 5        | 1A03038     | Văn hóa doanh nghiệp                                  | TC                               | 3          | 3               |       |       |           | Khoa Kinh tế            |         |
|          | 1A03010     | Nghệ vụ bán hàng                                      | TC                               |            |                 |       |       |           | Khoa Kinh tế            |         |
|          | 1A03125     | Luật Vận tải biển                                     | TC                               |            |                 |       |       |           | Khoa Kinh tế            |         |
|          |             | Tổng Học kỳ 7                                         |                                  | 15         | 15              | 0     | 0     | 0         |                         |         |
| Học kỳ 8 |             |                                                       |                                  |            |                 |       |       |           |                         |         |
| 1        | 1A03127     | Khóa luận tốt nghiệp đại học QTCCU                    | BB                               | 9          |                 |       |       | 9         | Khoa Kinh tế            |         |
|          |             | (Các học phần thay thế KL tốt nghiệp)                 |                                  |            |                 |       |       |           |                         |         |
| 2        | 1A03047     | Khởi nghiệp kinh doanh                                | TC                               | 3          | 3               |       |       |           | Khoa Kinh tế            |         |
| 3        | 1A03024     | Quản trị quan hệ khách hàng                           | TC                               | 3          | 3               |       |       |           | Khoa Kinh tế            |         |
| 4        | 1A06009     | Marketing quốc tế                                     | TC                               | 3          | 3               |       |       |           | Khoa Kinh tế            |         |
|          |             | Tổng Học kỳ 8                                         |                                  | 9          | 9               | 0     | 0     | 9         |                         |         |

**Ghi chú:**

Tổng số tín chỉ tích lũy toàn khóa là 126 (không tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng)

Môn Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng sẽ được bố trí theo kế hoạch chung của toàn trường

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**